

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U M T
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/9/2017

V/v: “Ly hôn giữa ông K và bà T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan.
2. Ông Nguyễn Văn Mẫn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện U M T.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện U M T xét xử sơ thẩm công Ki vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2017/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2017, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1989.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 109, ấp 3A, xã V Đ, huyện V T, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ cư trú: Ấp V T, xã H C, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/8/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Minh K trình bày: Ông K và bà T được người thân mai mối, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V Đ, huyện V T, tỉnh Hậu Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/3/2014.

Lý do ông K yêu cầu xin ly hôn: Ông K cho rằng do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cuộc sống, mỗi người có cách sống, suy nghĩ và hành động khác nhau, đôi bên không tìm được tiếng nói chung trong cách cư xử, sinh hoạt hàng ngày, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên đôi bên đã ly thân với nhau từ tháng 08/2015 cho đến nay.

Về con chung: Ông K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông K yêu cầu:

Về hôn nhân: Ông K xin được ly hôn với bà T.

Tòa án có triệu tập bà T để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng bà T vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên tòa hợp lệ nhưng bà T vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị Anh T.

Xét thấy, bà T chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện ly hôn của ông K tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên tòa hợp lệ, nhưng bà T cố tình lánh mặt không đến tòa án.

[2] Nhận định về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa ông K xác nhận: Ông K và bà T được người thân mai mối, đi đến tổ chức cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được UBND xã V Đ, huyện V T, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/3/2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông K, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng ông K, bà T không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc: Xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mỗi người có cách suy nghĩ và hành động khác nhau, từ đó phát sinh mâu thuẫn; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau và bỏ mặc nhau mạnh ai nấy sống. Tại phiên

tòa, ông K thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, ông K và bà T đã ly thân với nhau từ tháng 08/2015 cho đến nay, đôi bên đã bỏ mặc nhau, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông K, bà T đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K được ly hôn với bà T.

[4] *Về con chung*: Ông K xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tòa án có triệu tập bà Nguyễn Thị Anh T để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng bà T cố tình lánh mặt không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông K. Trường hợp bà T có tranh chấp về chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông K phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Minh K và bà Nguyễn Thị Anh T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Ông K phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Ông K đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006626, ngày 09/8/2017 tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện U M T, nên ông K được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U M T;
- THA DS huyện U M T;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa